TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TD** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ - ST
Ngày 26 - 01 - 2018
V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Tuyết.

2. Ông Nguyễn Đức Nghiệp.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Xuân Chín - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2017/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị C, sinh năm 1971;

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1969;

Đều địa chỉ: Thôn Q, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, (Đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 12 tháng 10 năm 2017 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Bùi Thị C trình bày: Bà và ông H kết hôn vào ngày 22 tháng 10 năm 1990, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, vợ chồng ra ở riêng ngay. Qúa trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ

chồng hạnh phúc. Đến đầu năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn căng thẳng nhất vào khoảng tháng 01 năm 2017. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông H có quan hệ nam nữ bất chính với người phụ nữ khác, bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông không nghe dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H.

- Bị đơn ông Trần Văn H trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà C về thời gian, thủ tục kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời gian mâu thuẫn và thời gian mâu thuẫn căng thẳng. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày dẫn đến vợ chồng đánh, cãi, chửi nhau. Ông đã nhiều lần dàn xếp vợ chồng về đoàn tụ nhưng bà C không đồng ý. Nay ông xác định tình vợ chồng vẫn còn, vì con chung ông yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Bà C và ông H xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Trần Văn H sinh ngày 17 tháng 8 năm 1991, Trần Văn T sinh ngày 20 tháng 6 năm 1993 và Trần Thị Tuyết H1, sinh ngày 16 tháng 9 năm 1995. Hiện nay, các con đều đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân. Ly hôn, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà C và ông H xác nhận vợ chồng có các tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà ba tầng xây gạch, lợp ngói có diện tích sàn là 130m^2/sàn được xây dựng vào năm 2011, 01 dãy nhà công trình phụ, chuồng trại có diện tích khoảng 50m^2. Các công trình trên đều được xây dựng trên thửa đất số 16, tờ bản đồ số 67 có tổng diện tích là 2167m^2 địa chỉ ở xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Trần Văn H. Ngoài ra, vợ chồng còn có tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 184, tờ bản đồ số 67, có diện tích là 5130m^2 ở xã HĐ đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Trần Văn H và quyền sử dụng đất là 2700m^2 ở phía Nam hồ chòm sen, địa chỉ thôn Q, xã HĐ chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Toàn bộ tài sản trên hiện do vợ chồng quản lý. Ngoài ra, vợ chồng còn có một số tài sản chung là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Ly hôn, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Bà C và ông H xác nhận vợ chồng không tài sản riêng.

Về công nợ: Bà C và ông H xác nhận vợ chồng không cho ai vay và nợ ai tài sản gì.

Về công sức: Bà C và ông H xác nhận vợ chồng không có thời gian nào ở chung với gia đình hai bên nên không có công sức gì.

Về đất canh tác: Bà C và ông H xác nhận vợ chồng mỗi người được cấp 01 sào đất canh tác nông nghiệp ở xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang do vợ chồng đang quản lý. Ly hôn, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C, cho bà C được ly hôn ông Trần Văn H. Về con chung, tài sản chung, đất canh tác: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có.

Về án phí: Bà C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Bùi Thị C có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện TD giải quyết tranh chấp về ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị C và ông Trần Văn H là hợp pháp. Qúa trình chung sống, đến đầu năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn căng thẳng nhất vào khoảng tháng 01 năm 2017. Nguyên nhân mâu thuẫn, do ông H có quan hệ nam nữ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng đánh, cãi, chửi nhau. Gia đình đã dàn xếp nhiều lần nhưng bà C không nghe dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Qúa trình giải quyết vụ án, bà C và ông H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin thuận tình ly hôn, thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Trong thời gian chờ Tòa án ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự thì ông H xin thay đổi, ông yêu cầu được đoàn tụ. Tuy nhiên, vợ chồng không giải quyết được mâu thuẫn. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa bà C và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ông H xin được đoàn tụ là không có cơ sở.

Bà C xin ly hôn ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung, đất canh tác: Bà C và ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có.

[5] Về án phí: Bà C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bùi Thị C và ông Trần Văn H.

2. Về con chung, tài sản chung, đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Bùi Thị C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: AA/2016/0000809 ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TD. Bà C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Các Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
Phạm Thị Tuyết - Nguyễn Đức Nghiệp	**Trần Tiến Dũng**

Nơi nhận:
- Viện KSND huyệnTD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- UBND xã HĐ, huyện TD;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

Trần Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân

Trần Văn Lương - Nguyễn Thị Ngọc Thư

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Tiến Dũng

Nơi nhận:
- Viện KSND huyệnTD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- UBND xã HĐ, huyện TD;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Tiến Dũng